

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A2 THEO KHUNG THÂM CHIẾU CHÂU ÂU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Đợt thi ngày 12/6/2021

*(Ban hành kèm theo QĐ số 415/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 15 tháng 06 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
1	TA01	Lê Thị Tú	Anh	04/09/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0265	51	16	10	77	Đạt	A0428
2	TA02	Nguyễn Bảo	Anh	12/02/2000	Bắc Giang	Nam	D-QLTN8A	18DQLTN0369	58	23	12	93	Đạt	A0429
3	TA03	Trần Văn	Bính	09/09/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6A	16DTY0394	57	23	10	90	Đạt	A0430
4	TA04	Giáp Văn	Duy	19/04/2000	Bắc Giang	Nam	D-THUY8A	18DTY0564	54	24	12	90	Đạt	A0431
5	TA05	Hoàng Văn	Đạt	05/04/1998	Bắc Giang	Nam	D-CNTP6A	16DCNTP34	58	24	13	95	Đạt	A0432
6	TA06	Nguyễn Hồng	Đức	08/04/1998	Thái Bình	Nam	D-THUY8A	18DTY0565	53	22	10	85	Đạt	A0433
7	TA07	Ngô Hùng	Giang	30/03/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0043	59	25	9	93	Đạt	A0434
8	TA09	Nguyễn Văn	Hiệp	14/10/2000	Bắc Giang	Nam	C-THUY19A	18CKT1073	54	25	5	84	Đạt	A0435
9	TA10	Mai Văn	Hùng	12/03/1999	Quảng Bình	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0047	51	22	5	78	Đạt	A0436
10	TA11	Trần Thị	Hương	12/09/1999	Bắc Giang	Nữ	D-QLDD7A	17DQLDD0461	59	25	13	97	Đạt	A0437
11	TA12	Lăng Văn	Khải	05/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0416	51	22	5	78	Đạt	A0438
12	TA14	Bàn Thanh	Lâm	11/11/1998	Hà Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0545	45	19	6	70	Đạt	A0439
13	TA15	Lưu Quang	Linh	16/07/2000	Bắc Giang	Nam	D-THUY8A	18DTY0569	50	20	7	77	Đạt	A0440
14	TA16	Nguyễn Khánh	Linh	07/10/1999	Lâm Đồng	Nữ	D-THUY7A	17DTY0546	52	21	13	86	Đạt	A0441
15	TA17	Nguyễn Ngọc Hải	Long	05/08/2000	Bắc Giang	Nam	D-THUY8A	18DTY0572	50	18	6	74	Đạt	A0442
16	TA18	Nguyễn Đình	Lộc	24/10/2000	Bắc Ninh	Nam	D-THUY8A	18DTY0571	55	18	6	79	Đạt	A0443

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
17	TA19	Nguyễn Đức	Lộc	23/01/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6A	16DTY0424	50	23	7	80	Đạt	A0444
18	TA21	Nguyễn Thị	Nga	20/11/1996	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	14DTY0158	55	25	11	91	Đạt	A0445
19	TA22	Trần Văn	Quang	20/08/1998	Hà Nội	Nam	D-THUY6A	16DTY0431	43	19	9	71	Đạt	A0446
20	TA23	Nguyễn Xuân	Quế	12/09/2000	Bắc Giang	Nam	D-THUY8A	18DTY0575	44	25	6	75	Đạt	A0447
21	TA24	Ngô Trọng	Sang	20/10/2000	Bắc Giang	Nam	D-THUY8A	18DTY0576	51	24	6	81	Đạt	A0448
22	TA25	Nguyễn Hồng	Son	22/11/1999	Bắc Giang	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0366	59	24	10	93	Đạt	A0449
23	TA26	Trịnh Đức	Thành	26/04/2000	Bắc Ninh	Nam	D-THUY8A	18DTY0578	50	24	10	84	Đạt	A0450
24	TA27	Vi Văn	Thành	29/07/1996	Bắc Giang	Nam	D-CHANNUOI5A	15DCN0102	52	6	12	70	Đạt	A0451
25	TA28	Phạm Xuân	Thắng	30/03/1995	Bắc Giang	Nam	D-THUY6A	16DTY0436	38	20	12	70	Đạt	A0452
26	TA29	Nguyễn Thanh	Thiếu	13/08/1998	Hải Phòng	Nam	D-THUY6A	16DTY0439	52	17	9	78	Đạt	A0453
27	TA31	Nguyễn Thị	Thúy	02/11/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0313	56	25	12	93	Đạt	A0454
28	TA32	Luân Văn	Toàn	04/05/2000	Lạng Sơn	Nam	D-THUY8A	18DTY0580	52	23	8	83	Đạt	A0455
29	TA33	Hoàng Đức	Trung	03/12/1999	Sơn La	Nam	D-THUY7A	17DTY0563	52	14	9	75	Đạt	A0456

Tổng số thí sinh theo danh sách: 29./